

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15/09/2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Giáp Thị Hiền.

2. Ông Nguyễn Quốc Sửu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 15/09/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2022/QĐST- HNGĐ ngày 15/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn Nội Hạc, xã Việt Lập, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn TH, xã HĐ, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn xin ly hôn và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H ngày 22/10/2019, trước khi cưới vợ chồng được tự do tìm hiểu thoả thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn TH, xã HĐ, huyện T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không tu chí làm ăn và chăm lo cho gia đình, mắng chửi và đánh chị vô cớ. Tháng 02/2020 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh H tiếp tục đến nhà bố mẹ chị đe dọa và chửi bới chị và gia đình. Vợ chồng chấm dứt quan hệ từ tháng 02/2020 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đòi

sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị đề nghị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 20/9/2020, hiện đang ở cùng chị, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Minh A vì cháu còn nhỏ dưới 3 tuổi, đang ở cùng với chị; chị có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H1 giữ nguyên yêu cầu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H như: Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử ..., cho bị đơn là anh Nguyễn Văn H. Anh H không đến Tòa án làm việc và không cung cấp lời khai thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, anh H vắng mặt không có lý do.

+ Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn H; về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 20/9/2020. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng luật tố tụng: Anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H1 và anh H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống trong sinh hoạt, làm ăn và phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng xảy ra đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng

đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay. Gia đình đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Đến nay, chị H1 xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị được ly hôn, anh H không có tác động gì để vợ chồng về đoàn tụ; điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị H1 và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do vậy, cần xử cho chị H1 được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 20/9/2020. Cháu đang ở cùng chị H1, khỏe mạnh và phát triển bình thường. Vợ chồng ly hôn, chị H1 đề nghị được nuôi cháu A. Chị H1 làm công nhân, thu nhập bình quân 7.500.000 đồng/tháng, chị và cháu A đang ở cùng bố mẹ đẻ của chị tại thôn Nội Hạc, xã Việt Lập. Như vậy, xác định chị H1 có đủ điều kiện nuôi con, hơn nữa cháu A còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi. Do vậy, cần giao con chung cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng; sau khi vợ chồng ly hôn anh H được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với các điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H1 không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 28, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 20/9/2020.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn H được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011741 ngày 28/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân yên;
- Các đương sự;
- Chi cục THDA huyện Tân Yên;
- UBND xã Hợp Đức, huyện Tân Yên;
- Lưu HS, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – CHỦ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn

